

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/LĐ-ST

Ngày: 11 – 3 – 2025

V/v “Vô hiệu hợp đồng lao động  
và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội”

NHÂN DANHA  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Văn Công Thức

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Nguyễn Chí Lin;
- Bà Nguyễn Thị Rạt.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Ngọc Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 236/2024/TLST – LĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-LĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Neáng N, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn:** Công ty Cổ phần D Địa chỉ trụ sở: Lô số E 6- E, đường H - T, khu công nghiệp H, ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Vũ T- Chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trịnh Tấn H – Phó tổng Giám đốc.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bảo hiểm xã hội tỉnh L; Địa chỉ trụ sở: Số H T, phường D, thành phố T, tỉnh Long An. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thành L – Phó Giám đốc (xin vắng mặt).

3.2. Bà Neáng N1, sinh năm 2001; Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 8 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Neáng N trình bày:*

Bà và bà Neáng N1 là chị em ruột. Do không am hiểu quy định pháp luật nên bà cho bà Neáng N1 mượn giấy chứng minh nhân dân do bà đứng tên để xin việc làm tại Công ty Cổ phần D trong khoảng thời gian 01 tháng là tháng 12 năm 2017, được Công ty cấp sổ bảo hiểm.

Trong khi cùng năm 2017, bà Neáng N xin vào làm việc tại Công ty Cổ phần Đ, địa chỉ: tổ E, khu G, thị trấn U, huyện T, tỉnh Bình Dương được Công ty cấp Sổ bảo hiểm xã hội số 8923602372 mang tên Neáng N. Bà Neáng N làm việc cho đến tháng 5 năm 2023 thì nghỉ việc.

Việc bà Neáng N cho bà Neáng N1 mượn giấy chứng minh nhân dân là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần D không phải do bản thân bà Neáng N thực hiện. Hiện nay tồn tại các sổ bảo hiểm xã hội số 9824935322 và số 8923602372 cùng mang tên là Neáng N nên bà Neáng N không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được. Do đó bà Neáng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa bà Neáng N (do bà Neáng N1 làm việc) với Công ty Cổ phần D từ tháng 12/2017 đến hết tháng 12 năm 2017;
- Điều chỉnh tên Neáng N ghi trên sổ bảo hiểm xã hội số 8924935322 của tháng 12 năm 2017 tại Công ty Cổ phần D sang tên bà Neáng N1.

*Bị đơn Công ty Cổ phần D vắng mặt* nhưng tại Văn bản ngày 08/02/2025, ông Trịnh Tấn H, người đại diện theo ủy quyền của Công ty trình bày:

Hợp đồng lao động giữa bà Neáng N (do bà Neang N2 làm việc thực tế) tại Công ty Cổ phần D trong tháng 12 năm 2017 (một tháng). Đến nay đã hơn 07 năm, công ty không còn lưu trữ hồ sơ tài liệu liên quan.

Từ ngày 01/6/2022 Công ty Cổ phần D đã thay đổi chủ sở hữu, thay đổi cổ đông.

Công ty không yêu cầu hay tranh chấp gì liên quan đến người lao động giao kết hợp đồng lao động Công ty Cổ phần D.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Neáng N1 vắng mặt nhưng có văn bản trình bày:* Bà xác định có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Neáng N để vào làm việc tại Công ty Cổ phần D trong tháng 12 năm 2017 (làm việc một tháng) và có tham gia bảo hiểm xã hội. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Neáng N và đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo qui định pháp luật.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L vắng mặt nhưng có văn bản trình bày:* Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và

chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty Cổ phần D có tham gia đóng bảo hiểm cho bà Neáng N từ tháng 12/2017 đến tháng 12 năm 2017 với mã số bảo hiểm xã hội số 8924935322, bà Neáng N chưa hưởng chế độ BHXH một lần và chưa hưởng BHTN với thời gian từ đóng BHXH, BHTN nêu trên. BHXH tỉnh L không cung cấp được hợp đồng lao động theo đề nghị của Tòa án và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

*Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 49 của Luật số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội Khóa 14, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Neáng N về việc vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Neáng N (do bà Neáng N1 thực hiện) với Công ty Cổ phần D từ tháng 12/2017 đến hết tháng 12/2017; Điều chỉnh tên Neáng N trên sổ bảo hiểm xã hội số 8924945322 thành tên Neáng N1. Thời gian lao động thực tế từ tháng 12 năm 2017 đến hết tháng 12 năm 2017 tại Công ty Cổ phần D.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Neáng N nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty Cổ phần D có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Neáng N là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty Cổ phần D là người bị kiện được xác định là bị đơn. Bà Neáng N1 và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Neáng N khởi kiện Công ty Cổ phần D vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng lao động giả tạo (chủ thể không có năng lực pháp luật dân sự tại thời điểm giao kết hợp đồng lao động) nên bà Neáng N có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Bà Neáng N có nộp chứng cứ là: Sổ BHXH số 8923602372 và quá trình tham gia bảo hiểm xã hội.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong thời gian từ tháng 6 năm 2011 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và xét xử vụ án trong phạm vi đương sự yêu cầu.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Neáng N khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Neáng N (nhưng do bà Neáng N1 là người trực tiếp lao động) với Công ty Cổ phần D là vô hiệu. Tuy nhiên bà Neáng N1 không cung cấp được hợp đồng lao động do bị thất lạc. Căn cứ vào văn bản của Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty Cổ phần D có tham gia đóng bảo hiểm cho bà Neáng N từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017 (một tháng) theo sổ bảo hiểm số 8924935322 nên có căn cứ xác định giữa bà Neáng N với Công ty Cổ phần D có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017 là một tháng.

[2.2]. Xét thấy, bà Neáng N có cho bà Neáng N1 mượn chứng minh nhân dân mang tên Neáng N để giao kết hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12 năm 2017 đến hết tháng 12 năm 2017 tại Công ty Cổ phần D theo sổ BHXH số 8924935322. Trong khi đó bà Neáng N cũng trực tiếp tham gia lao động tại Công ty Cổ phần D và tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm xã hội số 8923602372 từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 5 năm 2023.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2017 đến hết tháng 12 năm 2017 thì người mang tên Neáng N cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại hai doanh nghiệp là Công ty Cổ phần D và Công ty Cổ phần Đ.

Do đó, việc bà Neáng N1 tham gia trực tiếp lao động với Công ty Cổ phần D nhưng hợp đồng lao động ghi tên Neáng N là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ

trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Neáng N với Công ty Cổ phần D là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Neáng N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu nên sẽ điều chỉnh tên Neáng N trên Sổ bảo hiểm xã hội số 8924935322 trong giai đoạn từ tháng 12 năm 2017 đến hết tháng 12 năm 2017 tại Công ty Cổ phần D.

[3]. Bà Neáng N1, Công ty D không có tranh chấp gì trong vụ án nên không đề cập xem xét.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về án phí: Ghi nhận ý kiến của bà Neáng N: tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 184, Điều 186, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15; Điều 18, Điều 21, Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Neáng N về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty Cổ phần D.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Neáng N (do bà Neáng N1 là người trực tiếp lao động) với Công ty Cổ phần D từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017 (một tháng).

1.2. Điều chỉnh tên Neáng N trên sổ bảo hiểm số 8924935322 trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2017 đến hết tháng 12 năm 2017 sang tên Neáng Ni.

Bà Neáng N và bà Neáng N1 được quyền liên hệ Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Long An để điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội số 8924935322 từ tên Neáng N thành tên Neáng N1.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Neáng N tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước, nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà Neang N3 đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6928 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, sang án phí để thi hành.

3. Án xử sơ thẩm, tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án theo thủ tục tố tụng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Văn Công Thức**